

TOÀ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2025/DS-ST
Ngày 31-3-2025
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Yến;

Bà Nguyễn Thị Loan;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Bình - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2024/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2025/QĐST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1 (viết tắt là V2); địa chỉ trụ sở: Số H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Vương Văn T - Trưởng bộ phận xử lý nợ; ông Phạm Văn Đ - Chuyên viên xử lý nợ; ông Lê Vũ Quốc T1 - Chuyên viên xử lý nợ; Là những người đại diện theo ủy quyền theo Văn bản ủy quyền số 38a/2024/UQN-CTQT ngày 01-6-2024 của ông Ngô Chí D - Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của V2 cho ông Đỗ Hoàng L - Giám đốc Trung tâm thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và Xử lý nợ pháp lý, ông Phạm Tuấn A - Phó Giám đốc Trung tâm thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và Xử lý nợ pháp lý, ông Đỗ Thành T2 - Phó Giám đốc Trung tâm thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và Xử lý nợ pháp lý và Văn bản ủy quyền số 6370/2024/UQ-

LCC-KHCNMB02 ngày 01-10-2024 của ông Đỗ Hoàng L cho ông Vương Văn T, Phạm Văn Đ, Lê Vũ Quốc T1; ông Đ có mặt, ông T và ông T1 vắng mặt.

- *Bị đơn*: Chị Ngô Thị L1, sinh năm 1998; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 8 năm 2024, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1 (viết tắt là V2) với chị Ngô Thị L1 đã thỏa thuận và ký các Hợp đồng tín dụng như sau:

1. Hợp đồng cho vay số LN2010232930970 ngày 09-11-2020, được giải ngân theo LD2031601379 ngày 11-11-2020, số tiền vay là 334.719.314đ (Ba trăm ba mươi tư triệu bảy trăm mười chín nghìn ba trăm mười bốn đồng); mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô nhãn hiệu VinFast Fadil bản tiêu chuẩn (S), động cơ 1.4L, CVT sản xuất mới 100% năm 2020 để đi lại và thanh toán phí bảo hiểm; thời hạn vay 84 tháng, kể từ ngày tiếp theo của ngày bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho bên vay; Giải ngân ngày 11-11-2020; Đến hạn ngày 11-11-2027; phương thức giải ngân: Chuyển khoản vào tài khoản của bên thụ hưởng; kỳ hạn trả nợ gốc: Gốc trả định kỳ hàng tháng, vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên là ngày 15-12-2020, tổng cộng 84 kỳ, số tiền nợ gốc bên vay phải trả mỗi kỳ là 3.985.000đồng, riêng kỳ cuối cùng trả 3.964.314đồng; kỳ hạn trả nợ lãi: định kỳ một tháng/lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên 15-12-2020. Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 9%/năm (lãi suất tính theo năm với một năm là 365 ngày). Lãi suất cho vay trong hạn được cố định 12 tháng kể từ ngày 11-11-2020. Hết thời hạn 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày 01/01, 01/4, 01/7, 01/10 hàng năm, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 11-11-2021, điều chỉnh sau đó vào ngày 01-01-2022. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng mức lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 84 tháng được bên Ngân hàng công bố (được niêm yết tại website:www.V2.com.vn) có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4.6%/năm. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay trong hạn, các bên thống nhất rằng khi xảy ra các sự kiện điều chỉnh lãi suất như quy định trong Hợp đồng này, bên Ngân hàng sẽ tự động thực hiện việc điều chỉnh theo đúng các nội dung đã thỏa thuận và sẽ thông báo cho bên vay theo quy định của pháp luật. Bên vay chấp nhận mức lãi suất mới (sau đây trong Hợp đồng này được gọi chung là mức lãi suất cho vay điều chỉnh) kể từ thời điểm bên Ngân hàng thực hiện việc điều chỉnh và cam kết thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất được điều chỉnh. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn

bằng 10%/năm. Ngoài ra Hợp đồng tín dụng được các bên thỏa thuận các nội dung liên quan đến quan hệ tín dụng, quyền và nghĩa vụ của các bên. Đối với Hợp đồng này chị Ngô Thị L1 đã quá hạn từ ngày 10-3-2023 và mới trả được nợ gốc: 107.595.000đồng; nợ lãi: 80.491.998đồng; tính đến ngày 31-3-2025 Hợp đồng này chị L1 còn nợ gốc: 227.124.314đồng, nợ lãi trong hạn: 6.006.109đồng, nợ lãi quá hạn: 112.415.239đồng, lãi chậm trả lãi: 14.202.742đồng.

2. Hợp đồng cho vay số LN2112144895442 ngày 29-12-2021, giải ngân theo LD2136301693 ngày 29-12-2021; số tiền vay là 985.000.000đ (Chín trăm tám mươi lăm triệu đồng); mục đích vay: Vay mua bất động sản tại thửa đất số 91 TBĐ số 30, địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường H, quận Đ, Hải Phòng; thời hạn vay 300 tháng, kể từ ngày tiếp theo của ngày bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho bên vay; Giải ngân ngày 29-12-2021; Đến hạn ngày 29-12-2046; phương thức giải ngân: Chuyển khoản vào tài khoản của bên thụ hưởng; kỳ hạn trả nợ gốc: Gốc trả định kỳ hàng tháng, vào ngày 10 hàng tháng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên là ngày 10-02-2022, số tiền nợ gốc bên vay phải trả mỗi kỳ là 3.283.000đồng, riêng kỳ cuối cùng trả 3.383.000đồng; kỳ hạn trả nợ lãi: định kỳ một tháng/lần vào ngày 10 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên 10-02-2022. Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 9.9%/năm (lãi suất tính theo năm với một năm là 365 ngày). Lãi suất cho vay trong hạn được cố định 12 tháng kể từ ngày giải ngân (thời gian cố định). Hết thời gian cố định, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày đầu quý tiếp theo là ngày 01/01, 01/4, 01/7, 01/10 hàng năm. Trường hợp ngày điều chỉnh lãi suất rơi vào ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ theo quy định của V2 thì ngày điều chỉnh lãi suất là ngày làm việc đầu tiên liền sau ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ đó. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng mức lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng được bên Ngân hàng công bố (được niêm yết tại website:www.V2.com.vn) có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3%/năm. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay trong hạn, các bên thống nhất rằng khi xảy ra các sự kiện điều chỉnh lãi suất như quy định trong Hợp đồng này, bên Ngân hàng sẽ tự động thực hiện việc điều chỉnh theo đúng các nội dung đã thỏa thuận và sẽ thông báo cho bên vay theo quy định của pháp luật. Bên vay chấp nhận mức lãi suất mới (sau đây trong Hợp đồng này được gọi chung là mức lãi suất cho vay điều chỉnh) kể từ thời điểm bên Ngân hàng thực hiện việc điều chỉnh và cam kết thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất được điều chỉnh. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn bằng 10%/năm. Ngoài ra Hợp đồng tín dụng được các bên thỏa thuận các nội dung liên quan đến quan hệ tín dụng, quyền và nghĩa vụ của các bên. Đối với Hợp đồng này chị Ngô Thị L1 đã quá hạn từ ngày 10-3-2023 và mới trả được nợ gốc: 42.744.427đồng; nợ lãi: 113.626.576đồng; tính đến ngày 31-3-2025 Hợp đồng này

chị L1 còn nợ gốc: 942.255.573đồng, nợ lãi trong hạn: 16.121.985đồng, nợ lãi quá hạn: 322.616.217đồng, lãi chậm trả lãi: 39.035.454đồng.

3. Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2203085324518 ngày 14-3-2022 kèm theo Khế ước nhận nợ ngày 14-3-2022, được giải ngân theo LD2207300682 ngày 14-3-2022, số tiền vay là 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng); thời hạn vay 12 tháng, tính từ ngày các bên ký Hợp đồng này; Giải ngân ngày 14-3-2022; Đến hạn ngày 14-3-2023; phương thức giải ngân: Thực hiện theo thỏa thuận của các bên tại mỗi lần vay vốn và được quy định cụ thể trong các Khế ước nhận nợ ký kết giữa các bên; kỳ hạn trả nợ gốc: Gốc trả cuối kỳ, theo đó bên vay trả nợ gốc cho bên Ngân hàng vào ngày kết thúc thời hạn cho vay; kỳ hạn trả nợ lãi: định kỳ một tháng/lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên 15-4-2022. Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 11.5%/năm (lãi suất tính theo năm với một năm là 365 ngày). Lãi suất cho vay trong hạn được cố định 01 tháng kể từ ngày giải ngân “thời gian cố định”. Hết thời gian cố định, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày đầu tiên sau thời gian cố định, sau đó lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần tính từ ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên. Trường hợp ngày điều chỉnh lãi suất rơi vào ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ theo quy định của V2 thì ngày điều chỉnh lãi suất là ngày làm việc đầu tiên liên sau ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ đó. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng mức lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng được bên Ngân hàng công bố (được niêm yết tại website:www.V2.com.vn) có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3.5%/năm. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay trong hạn, các bên thống nhất rằng khi xảy ra các sự kiện điều chỉnh lãi suất như quy định trong Hợp đồng này, bên Ngân hàng sẽ tự động thực hiện việc điều chỉnh theo đúng các nội dung đã thỏa thuận và sẽ thông báo cho bên vay theo quy định của pháp luật. Bên vay chấp nhận mức lãi suất mới (sau đây trong Hợp đồng này được gọi chung là mức lãi suất cho vay điều chỉnh) kể từ thời điểm bên Ngân hàng thực hiện việc điều chỉnh và cam kết thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất được điều chỉnh. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn bằng 10%/năm. Ngoài ra Hợp đồng tín dụng được các bên thỏa thuận các nội dung liên quan đến quan hệ tín dụng, quyền và nghĩa vụ của các bên. Đối với Hợp đồng này chị Ngô Thị L1 đã quá hạn từ ngày 10-3-2023 và mới trả được nợ gốc: chưa trả đồng nào; nợ lãi: 25.965.808đồng; tính đến ngày 31-3-2025 Hợp đồng này chị L1 còn nợ gốc: 250.000.000đồng, nợ lãi trong hạn: 7.576.320đồng, nợ lãi quá hạn: 108.419.516đồng, lãi chậm trả lãi: 12.919.983đồng.

4. Hợp đồng cho vay số LN2204155584573 ngày 02-6-2022, giải ngân theo LD2215300530 ngày 02-6-2022, số tiền vay là 700.000.000đ (Bảy trăm triệu

đồng); mục đích vay: Thanh toán tiền mua chiếc xe ô tô hiệu PEUGEOT sản xuất mới 100%; thời hạn vay 96 tháng, kể từ ngày tiếp theo của ngày bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho bên vay; Giải ngân ngày 02-6-2022; Đến hạn ngày 02-6-2030; phương thức giải ngân: Chuyển khoản vào tài khoản của bên thụ hưởng; kỳ hạn trả nợ gốc: Gốc trả định kỳ hàng tháng, vào ngày 10 hàng tháng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên là ngày 10-7-2022, số tiền nợ gốc bên vay phải trả mỗi kỳ là 7.292.000đồng, riêng kỳ cuối cùng trả 7.260.000đồng; kỳ hạn trả nợ lãi: định kỳ một tháng/lần vào ngày 10 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên 10-7-2022. Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 9.3%/năm (lãi suất tính theo năm với một năm là 365 ngày). Lãi suất cho vay trong hạn được cố định 12 tháng kể từ ngày giải ngân (thời gian cố định). Hết thời gian cố định, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày đầu quý tiếp theo là ngày 01/01, 01/4, 01/7, 01/10 hàng năm. Trường hợp ngày điều chỉnh lãi suất rơi vào ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ theo quy định của V2 thì ngày điều chỉnh lãi suất là ngày làm việc đầu tiên liền sau ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ đó. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng mức lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng được bên Ngân hàng công bố (được niêm yết tại website:www.V2.com.vn) có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4.6%/năm. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay trong hạn, các bên thống nhất rằng khi xảy ra các sự kiện điều chỉnh lãi suất như quy định trong Hợp đồng này, bên Ngân hàng sẽ tự động thực hiện việc điều chỉnh theo đúng các nội dung đã thỏa thuận và sẽ thông báo cho bên vay theo quy định của pháp luật. Bên vay chấp nhận mức lãi suất mới (sau đây trong Hợp đồng này được gọi chung là mức lãi suất cho vay điều chỉnh) kể từ thời điểm bên Ngân hàng thực hiện việc điều chỉnh và cam kết thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất được điều chỉnh. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn bằng 10%/năm. Ngoài ra Hợp đồng tín dụng được các bên thỏa thuận các nội dung liên quan đến quan hệ tín dụng, quyền và nghĩa vụ của các bên. Đối với Hợp đồng này chị Ngô Thị L1 đã quá hạn từ ngày 10-3-2023 và mới trả được nợ gốc: 690.336.000đồng; nợ lãi: 43.827.773đồng; tính đến ngày 31-3-2025 Hợp đồng này chị L1 còn nợ gốc: 9.664.000đồng, nợ lãi trong hạn: 9.668.700đồng, nợ lãi quá hạn: 41.810.956đồng, lãi chậm trả lãi: 9.544.140đồng.

Chị Ngô Thị L1 còn vay Ngân hàng theo Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 30-12-2021, giải ngân theo LD2201801013 ngày 18-01-2022: Số tiền vay 150.000.000đồng, thời hạn vay: 48 tháng, mục đích vay: Mua đồ gia dụng, lãi suất cho vay trong hạn theo quy định cụ thể trong Hợp đồng tín dụng

đã ký kết, lãi suất 20%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Đối với Hợp đồng này chị Ngô Thị L1 đã quá hạn từ ngày 10-3-2023 và mới trả được nợ gốc: 29.912.744đồng; nợ lãi: 29.462.310đồng; tính đến ngày 31-3-2025 Hợp đồng này chị L1 còn nợ gốc: 119.087.256đồng, nợ lãi trong hạn: 6.254.017đồng, nợ lãi quá hạn: 81.858.469đồng, lãi chậm trả lãi: 10.507.206đồng.

Chị Ngô Thị L1 còn vay Ngân hàng theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ Ngân hàng điện tử từ ngày 07-6-2022, giải ngân theo mã điện tử 130-P-9142476 ngày 15-6-2022 với hạn mức thẻ 60.000.000đồng; chị L1 rút 49.121.270đồng, lãi suất cho vay trong hạn theo quy định cụ thể trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Đối với Hợp đồng này chị Ngô Thị L1 đã quá hạn từ ngày 07-4-2023; tính đến ngày 31-3-2025 Hợp đồng này chị L1 còn nợ gốc: 49.121.270đồng, nợ lãi quá hạn: 67.994.200đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay, chị Ngô Thị L1 đã thế chấp tài sản là:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 187 (số mới 91), tờ bản đồ số 03-NH (số mới 30), diện tích 98,1m², địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường N (nay là phường H), quận Đ, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK373762, sổ vào sổ cấp GCN CH00490 do Ủy ban nhân dân quận Đ, thành phố Hải Phòng cấp ngày 16 tháng 7 năm 2012 cấp cho ông Ngô Quang V và bà Nguyễn Thị D1, đã chuyển nhượng cho chị Ngô Thị L1 ngày 27-12-2021 theo hồ sơ số 000149.CN.007 đăng ký chuyển nhượng tại Văn phòng đăng ký đất đai quận Đ (theo Hợp đồng thế chấp số 4895442 ngày 28-12-2021 tại Văn phòng C, số B H, phường A, quận L, thành phố Hải Phòng số Công chứng 23830/HĐTC/2021, quyền số 09 /TP/CC-SCC/HĐGD) theo đúng quy định của pháp luật.

+ 01 xe ô tô nhãn hiệu VINFAST FADIL, số khung 2FACLV009206, số máy LV7202550097, màu sơn trắng, 05 chỗ, Biểm kiểm soát 15A-644.43 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 114109 do Phòng C1 Công an thành phố H cấp ngày 06-11-2020, được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 09-11-2020 theo đúng quy định của pháp luật.

V2 đã nhiều lần liên hệ, trao đổi, làm việc, đôn đốc chị L1 trả nợ cho Ngân hàng nhưng chị L1 cố tình chây ì, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do chị L1 đã vi phạm thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết nên V2 khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị L1 phải trả cho V2 số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 31-3-2025 là 2.464.203.666đồng trong đó nợ gốc là 1.597.252.413đồng; nợ lãi trong hạn là 45.627.131đồng; nợ lãi quá hạn là 735.114.597đồng; lãi chậm trả lãi là 86.209.525đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01-4-2025 cho đến khi thanh toán

xong toàn bộ khoản nợ theo lãi suất đã thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng số LN2010232930970 ngày 09-11-2020; Hợp đồng tín dụng số LN2112144895442 ngày 29-12-2021; Hợp đồng tín dụng số LN2203085324518 ngày 14-3-2022 kèm theo Khế ước nhận nợ ngày 14-3-2022; Hợp đồng tín dụng số LN2204155584573 ngày 02-6-2022; Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 30-12-2021 (giải ngân theo LD2201801013 ngày 18-01-2022) và Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 07-6-2022 (giải ngân theo 130-P-91452476 ngày 15-6-2022). Trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án tuyên V2 có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thực hiện kê biên, phát mại các tài sản bảo đảm là:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 187 (số mới 91), tờ bản đồ số 03-NH (số mới 30), diện tích 98,1m², địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường N (nay là phường H), quận Đ, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK373762, sổ vào sổ cấp GCN CH00490 do Ủy ban nhân dân quận Đ, thành phố Hải Phòng cấp ngày 16 tháng 7 năm 2012 cấp cho ông Ngô Quang V và bà Nguyễn Thị D1, đã chuyển nhượng cho chị Ngô Thị L1 ngày 27-12-2021 theo hồ sơ số 000149.CN.007 đăng ký chuyển nhượng tại Văn phòng đăng ký đất đai quận Đ (theo Hợp đồng thế chấp số 4895442 ngày 28-12-2021 tại Văn phòng C, số B H, phường A, quận L, thành phố Hải Phòng số Công chứng 23830/HĐTC/2021, quyền số 09/TP/CC-SCC/HĐGD).

+ 01 xe ô tô nhãn hiệu VINFAST FADIL, số khung 2FACLV009206, số máy LV7202550097, màu sơn trắng, 05 chỗ, Biểm kiểm soát 15A-644.43 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 114109 do Phòng C1 Công an thành phố H cấp ngày 06-11-2020.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 03-12-2024, bị đơn là chị Ngô Thị L1 trình bày: Chị có vay của V2 theo các Hợp đồng sau đây:

+ Hợp đồng tín dụng số LN2010232930970 ngày 09-11-2020, số tiền vay là 334.719.314đ (Ba trăm ba mươi tư triệu bảy trăm mười chín nghìn ba trăm mười bốn đồng); mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô nhãn hiệu VinFast Fadil.

+ Hợp đồng tín dụng số LN2112144895442 ngày 29-12-2021, số tiền vay là 985.000.000đ (Chín trăm tám mươi lăm triệu đồng).

+ Hợp đồng tín dụng số LN2203085324518 ngày 14-3-2022 kèm theo Khế ước nhận nợ ngày 14-3-2022, số tiền vay là 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

+ Hợp đồng tín dụng số LN2204155584573 ngày 12-6-2022, số tiền vay là 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng).

+ Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 07-6-2022 với hạn mức thẻ 60.000.000đồng.

+ Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 30-12-2021: Số tiền vay 150.000.000đồng.

Để bảo đảm cho các khoản vay trên, chị đã thế chấp các tài sản bảo đảm là:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 187 (số mới 91), tờ bản đồ số 03-NH (số mới 30), diện tích 98,1m², địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường N (nay là phường H), quận Đ, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK373762, sổ vào sổ cấp GCN CH00490 do Ủy ban nhân dân quận Đ, thành phố Hải Phòng cấp ngày 16 tháng 7 năm 2012 cấp cho ông Ngô Quang V và bà Nguyễn Thị D1, đã chuyển nhượng cho chị Ngô Thị L1 ngày 27-12-2021 theo hồ sơ số 000149 CN 007 đăng ký chuyển nhượng tại Văn phòng đăng ký đất đai quận Đ (theo Hợp đồng thế chấp số 4895442 ngày 28-12-2021 tại Văn phòng C, số B H, phường A, quận L, thành phố Hải Phòng số Công chứng 23830/HĐTC/2021, quyền số 09/TP/CC-SCC/HĐGD).

+ 01 xe ô tô nhãn hiệu VINFAST FADIL, số khung 2FACLV009206, số máy LV7202550097, màu sơn trắng, 05 chỗ, Biểm kiểm soát 15A-644.43 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 114109 do Phòng C1 Công an thành phố H cấp ngày 06-11-2020.

Đến nay, chị còn nợ V2 số tiền tạm tính đến ngày 24-8-2024 là 1.794.009.334đồng. Trong đó, nợ gốc 1.548.161.143đồng, nợ lãi 184.681.488 đồng, nợ thẻ tín dụng 61.166.703đồng như yêu cầu trong đơn khởi kiện của V2 là đúng, chị không có ý kiến gì đối với số tiền chị còn nợ V2.

Chị có quan điểm sẽ tìm người bán các tài sản này để trả nợ cho V2. Chị cũng đề nghị khi trả hết tiền cho V2, mong ngân hàng giảm một phần tiền lãi quá hạn, tiền phạt chậm trả lãi cho chị.

Tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa mở lần thứ hai nên không lấy được ý kiến của bị đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử

ngợi án. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa và lời khai của đương sự đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 116, 117, 118, 119, 280, 295, 298, 299, 303, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 500 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 167 Luật Đất đai năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2018); các Điều 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 100, 103, 107 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc chị Ngô Thị L1 phải trả cho Ngân hàng V2 số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 31-3-2025 là: 2.464.203.666 đồng trong đó nợ gốc là 1.597.252.413 đồng; nợ lãi trong hạn là 45.627.131 đồng; nợ lãi quá hạn là 735.114.597 đồng; lãi chậm trả lãi là 86.209.525 đồng theo các Hợp đồng tín dụng số LN2010232930970 ngày 09-11-2020; Hợp đồng tín dụng số LN2112144895442 ngày 29-12-2021; Hợp đồng tín dụng số LN2203085324518 ngày 14-3-2022 kèm theo Khế ước nhận nợ ngày 14-3-2022; Hợp đồng tín dụng số LN2204155584573 ngày 02-6-2022; Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 30-12-2021 và Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ Ngân hàng điện tử từ ngày 07-6-2022 và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01-4-2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo lãi suất đã thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng số LN2010232930970 ngày 09-11-2020; Hợp đồng tín dụng số LN2112144895442 ngày 29-12-2021; Hợp đồng tín dụng số LN2203085324518 ngày 14-3-2022 kèm theo Khế ước nhận nợ ngày 14-3-2022; Hợp đồng tín dụng số LN2204155584573 ngày 02-6-2022; Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 30-12-2021 và Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ Ngân hàng điện tử từ ngày 07-6-2022 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp chị Ngô Thị L1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án tuyên V2 có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thực hiện phát mại các tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 187 (số mới 91), tờ bản đồ số 03-NH (số mới 30), diện

tích 98,1m², địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường N (nay là phường H), quận Đ, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK373762, sổ vào sổ cấp GCN CH00490 do Ủy ban nhân dân quận Đ, thành phố Hải Phòng cấp ngày 16 tháng 7 năm 2012 cấp cho ông Ngô Quang V và bà Nguyễn Thị D1, đã chuyển nhượng cho chị Ngô Thị L1 ngày 27-12-2021 theo hồ sơ số 000149 CN007 đăng ký chuyển nhượng tại Văn phòng đăng ký đất đai quận Đ (theo Hợp đồng thế chấp số 4895442 ngày 28-12-2021 tại Văn phòng C, số B H, phường A, quận L, thành phố Hải Phòng số Công chứng 23830/HĐTC/2021, quyền số 09/TP/CC-SCC/HĐGD) và 01 xe ô tô nhãn hiệu VINFAST FADIL, số khung 2FACLV009206, số máy LV7202550097, màu sơn trắng, 05 chỗ, Biểm kiểm soát 15A-644.43 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 114109 do Phòng C1 Công an thành phố H cấp ngày 06-11-2020. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản mà còn thừa thì trả lại cho chị Ngô Thị L1; trường hợp việc phát mại tài sản mà không đủ trả nợ cho V2 thì chị Ngô Thị L1 phải có nghĩa vụ thanh toán đủ cho V2 cho đến khi tất toán xong toàn bộ khoản nợ.

- Chị Ngô Thị L1 phải nộp 81.284.073 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về Hợp đồng tín dụng, mục đích vay để mua bất động sản, mua ô tô, vay tiêu dùng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn cư trú tại Tổ dân phố T, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng nên theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn chị Ngô Thị L1 vắng mặt tại phiên tòa mở lần thứ hai mà không vì lý do khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng. Vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đối với bị đơn chị Ngô Thị L1.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu của Ngân hàng đề nghị chị Ngô Thị L1 phải trả cho V2 số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 31-3-2025 là 2.464.203.666 đồng trong đó nợ gốc là 1.597.252.413 đồng; nợ lãi trong hạn là 45.627.131 đồng; nợ lãi quá

hạn là 735.114.597đồng; lãi chậm trả lãi là 86.209.525đồng theo các Hợp đồng tín dụng số LN2010232930970 ngày 09-11-2020; Hợp đồng tín dụng số LN2112144895442 ngày 29-12-2021; Hợp đồng tín dụng số LN2203085324518 ngày 14-3-2022 kèm theo Khế ước nhận nợ ngày 14-3-2022; Hợp đồng tín dụng số LN2204155584573 ngày 02-6-2022; Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 30-12-2021 và Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 07-6-2022 thấy:

[3.1.1] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa đã xác định được: Giữa Ngân hàng và chị Ngô Thị L1 có quan hệ Hợp đồng tín dụng. Theo đó Ngân hàng đã ký với chị L1 các Hợp đồng tín dụng số LN2010232930970 ngày 09-11-2020; Hợp đồng tín dụng số LN2112144895442 ngày 29-12-2021; Hợp đồng tín dụng số LN2203085324518 ngày 14-3-2022 kèm theo Khế ước nhận nợ ngày 14-3-2022; Hợp đồng tín dụng số LN2204155584573 ngày 02-6-2022; Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 30-12-2021 và Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ Ngân hàng điện tử từ ngày 07-6-2022. Ngân hàng đã giải ngân đầy đủ và đúng hạn cho bên vay vào tài khoản của bên thụ hưởng. Nhưng sau đó bên vay đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và không thanh toán đầy đủ các khoản nợ từ thời điểm tháng 03 năm 2023 cho đến nay. Ngân hàng đã có các văn bản đôn đốc trả nợ nhiều lần nhưng không có kết quả. Tính đến ngày 31-3-2025 chị Ngô Thị L1 còn nợ Ngân hàng số tiền là 2.464.203.666đồng trong đó nợ gốc là 1.597.252.413đồng; nợ lãi trong hạn là 45.627.131đồng; nợ lãi quá hạn là 735.114.597đồng; lãi chậm trả lãi là 86.209.525đồng.

[3.1.2] Xét Hợp đồng tín dụng được ký giữa chị Ngô Thị L1 và đại diện của Ngân hàng có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật. Các bên tham gia ký kết Hợp đồng đều có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, nội dung và mục đích để thực hiện nhu cầu của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại các điều 116, 117, 118, 119 Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 4, 7, 10, 12, 30, 31 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30-12-2016 của Thống đốc ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Do đó, Hợp đồng tín dụng có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định trong Hợp đồng.

[3.1.3] Xét yêu cầu đòi nợ gốc: Quá trình thực hiện Hợp đồng, Ngân hàng đã thực hiện việc giải ngân và chị Ngô Thị L1 đã nhận đủ số tiền vay theo các Hợp đồng tín dụng, như vậy Ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình trong Hợp đồng; chị Ngô Thị L1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 10 tháng 3 năm 2023 cho đến nay mặc dù đã bị đôn đốc nhiều lần nhưng vẫn chây ì không trả. Như vậy đủ

cơ sở kết luận bị đơn đã vi phạm các điều khoản cam kết trong Hợp đồng tín dụng, chậm thanh toán các khoản nợ đến hạn nên việc Ngân hàng kiện yêu cầu chị Ngô Thị L1 phải thanh toán số tiền nợ gốc là 1.597.252.413 đồng theo các Hợp đồng tín dụng là có căn cứ được chấp nhận.

[3.1.4] Xét yêu cầu đòi nợ lãi trong hạn: Căn cứ vào bảng tính lãi và các văn bản về lãi suất V2 cung cấp và theo sự thỏa thuận của các bên tại điểm a, b, c khoản 7 Điều 2 Hợp đồng tín dụng số LN2010232930970 ngày 09-11-2020; điểm a, b, c khoản 7 Điều 2 Hợp đồng tín dụng số LN2112144895442 ngày 29-12-2021; điểm a, b, c khoản 9 Điều 1 của Hợp đồng tín dụng số LN2203085324518 ngày 14-3-2022; điểm a, b khoản 5 Điều 1 Khế ước nhận nợ kèm Hợp đồng tín dụng số LN2203085324518 ngày 14-3-2022; điểm a, b, c khoản 7 Điều 1 Hợp đồng tín dụng số LN2204155584573 ngày 02-6-2022 phù hợp với quy định tại khoản 1, 3 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30-12-2016 của Thống đốc Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên được chấp nhận. Cụ thể tiền nợ lãi trong hạn tính đến ngày 31-3-2025 là 45.627.131 đồng.

[3.1.5] Xét yêu cầu đòi nợ lãi quá hạn: Theo điểm d khoản 7 Điều 2 Hợp đồng tín dụng số LN2010232930970 ngày 09-11-2020; điểm d khoản 7 Điều 2 Hợp đồng tín dụng số LN2112144895442 ngày 29-12-2021; điểm d khoản 9 Điều 1 của Hợp đồng tín dụng số LN2203085324518 ngày 14-3-2022; điểm e khoản 7 Điều 1 Hợp đồng tín dụng số LN2204155584573 ngày 02-6-2022 hai bên thỏa thuận lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Mức lãi suất quá hạn hai bên thỏa thuận phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điểm c khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30-12-2016 của Thống đốc ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng nên được chấp nhận. Tiền nợ lãi quá hạn tính đến ngày 31-3-2025 là 735.114.597 đồng.

[3.1.6] Xét yêu cầu đòi nợ lãi chậm trả lãi: Theo điểm e khoản 7 Điều 2 Hợp đồng tín dụng số LN2010232930970 ngày 09-11-2020; điểm e khoản 7 Điều 2 Hợp đồng tín dụng số LN2112144895442 ngày 29-12-2021; điểm e khoản 9 Điều 1 của Hợp đồng tín dụng số LN2203085324518 ngày 14-3-2022; điểm f khoản 7 Điều 1 Hợp đồng tín dụng số LN2204155584573 ngày 02-6-2022 hai bên thỏa thuận lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi chậm trả lãi hai bên thỏa thuận phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết

01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điểm b khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30-12-2016 của Thống đốc ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng nên được chấp nhận. Cụ thể lãi chậm trả lãi tính đến ngày 31-3-2025 là 86.209.525đồng.

[3.1.7] Từ những nhận định trên, đủ căn cứ xác định: Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (31-3-2025) chị Ngô Thị L1 còn nợ V2 tổng số tiền là 2.464.203.666đồng trong đó nợ gốc là 1.597.252.413đồng; nợ lãi trong hạn là 45.627.131đồng; nợ lãi quá hạn là 735.114.597đồng; lãi chậm trả lãi là 86.209.525đồng.

[3.1.8] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng số LN2010232930970 ngày 09-11-2020; Hợp đồng tín dụng số LN2112144895442 ngày 29-12-2021; Hợp đồng tín dụng số LN2203085324518 ngày 14-3-2022 kèm theo Khế ước nhận nợ ngày 14-3-2022; Hợp đồng tín dụng số LN2204155584573 ngày 02-6-2022; Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 30-12-2021 và Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 07-6-2022 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng đề nghị phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng, chị Ngô Thị L1 đã ký với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp số 4895442 ngày 28-12-2021 tại Văn phòng C, số B H, phường A, quận L, thành phố Hải Phòng số Công chứng 23830/HĐTC/2021, quyền số 09/TP/CC-SCC/HĐGD với nội dung thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 187 (số mới 91), tờ bản đồ số 03-NH (số mới 30), diện tích 98,1m², địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường N (nay là phường H), quận Đ, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK373762, sổ vào sổ cấp GCN CH00490 do Ủy ban nhân dân quận Đ, thành phố Hải Phòng cấp ngày 16 tháng 7 năm 2012 cấp cho ông Ngô Quang V và bà Nguyễn Thị D1, đã chuyển nhượng cho chị Ngô Thị L1 ngày 27-12-2021 theo hồ sơ số 000149 CN 007 đăng ký chuyển nhượng tại Văn phòng đăng ký đất đai quận Đ; 01 xe ô tô nhãn hiệu VINFAST FADIL, số khung 2FACLV009206, số máy LV7202550097, màu sơn trắng, 05 chỗ, Biểm kiểm soát 15A-644.43 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 114109 do Phòng C1 Công an thành phố H cấp ngày 06-11-2020.

Việc thế chấp nhà đất này đã được chị Ngô Thị L1 đăng ký giao dịch bảo đảm theo đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận Đ ngày 28 tháng 12 năm 2021. Việc thế chấp xe ô tô được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 09-11-2020 theo đúng quy định của pháp luật. Xét hợp đồng thế chấp tài sản được ký giữa chủ tài sản với Ngân hàng, có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, được chứng thực của Văn phòng C, số B H, phường A, quận L, thành phố Hải Phòng số Công chứng 23830/HĐTC/2021, quyền số 09/TP/CC-SCC/HĐGD và Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận Đ, thành phố Hải Phòng vào ngày 28 tháng 12 năm 2021; đối với xe ô tô được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 09-11-2020 là phù hợp với quy định tại các Điều 298, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 500 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 10, Điều 12 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; mục 6 Điều 1 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/2/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Điều 61 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19-3-2021 quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ nên có hiệu lực và là căn cứ phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên, buộc các bên phải thực hiện. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 26-12-2024 thể hiện nội dung: Kể từ khi chị L1 ký Hợp đồng thế chấp ngày 28-12-2021 cho đến nay, nhà đất thế chấp cho Ngân hàng vẫn giữ nguyên hiện trạng, không cơi nới, xây mới gì thêm, không thực hiện bất cứ giao dịch nào liên quan đến tài sản thế chấp, nhà đất hiện do chị Ngô Thị L1 quản lý. Hợp đồng thế chấp được ký kết, công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định của pháp luật. Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu VINFAST FADIL, Biểm kiểm soát 15A-644.43 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 114109 do Phòng C1 Công an thành phố H cấp ngày 06-11-2020, tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26-12-2024 không tìm thấy chiếc xe này, theo chị L1 khai từ khi thế chấp cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô ngày 09-11-2020 chị không quản lý, sử dụng nên đến nay chị không biết chiếc xe đang ở đâu. Hợp đồng tín dụng tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật và Hợp đồng thế chấp xe ô tô được ký kết, công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định của pháp luật nên việc không xác định được chiếc xe ô tô là tài sản thế chấp đang ở đâu tại thời điểm tranh chấp không làm vô hiệu Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp, khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ chị L1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì Ngân hàng vẫn có quyền yêu cầu phát mại tài sản là chiếc xe ô tô này theo hướng dẫn tại mục 11 Công văn số 196/TANDTC-PC ngày 03-10-2023 giải đáp vướng mắc của Tòa án nhân dân tối cao. Do đó yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng trong trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, đề nghị

Tòa án tuyên V2 có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thực hiện phát mại các tài sản bảo đảm như trên để thu hồi nợ là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn; Bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 116, 117, 118, 119, 280, 295, 298, 299, 303, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 500 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 167 Luật Đất đai năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2018);

Áp dụng các Điều 91, 95, 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 100, 103, 107 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1 (viết tắt là V2):

1.1 Buộc chị Ngô Thị L1 phải trả cho Ngân hàng V2 số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 31-3-2025 là 2.464.203.666đ (Hai tỷ bốn trăm sáu mươi tư triệu hai trăm linh ba nghìn sáu trăm sáu mươi sáu) đồng trong đó nợ gốc là 1.597.252.413đ (Một tỷ năm trăm chín mươi bảy triệu hai trăm năm mươi hai nghìn bốn trăm mười ba) đồng; nợ lãi trong hạn là 45.627.131đ (Bốn mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn một trăm ba mươi một) đồng; nợ lãi quá hạn là 735.114.597đ (Bảy trăm ba mươi lăm triệu một trăm mười bốn nghìn năm trăm chín mươi bảy) đồng; lãi chậm trả lãi là 86.209.525đ (Tám mươi sáu triệu hai trăm linh chín nghìn năm trăm hai mươi lăm) đồng theo các Hợp đồng cho vay số LN2010232930970 ngày 09-11-2020; Hợp đồng cho vay số LN2112144895442

ngày 29-12-2021; Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2203085324518 ngày 14-3-2022 kèm theo Khế ước nhận nợ ngày 14-3-2022; Hợp đồng cho vay số LN2204155584573 ngày 02-6-2022; Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 30-12-2021 và Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 07-6-2022.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng cho vay số LN2010232930970 ngày 09-11-2020; Hợp đồng cho vay số LN2112144895442 ngày 29-12-2021; Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2203085324518 ngày 14-3-2022 kèm theo Khế ước nhận nợ ngày 14-3-2022; Hợp đồng cho vay số LN2204155584573 ngày 02-6-2022; Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 30-12-2021 và Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 07-6-2022 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2.2 Trường hợp chị Ngô Thị L1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, V2 có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thực hiện phát mại các tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 187 (số mới 91), tờ bản đồ số 03-NH (số mới 30), diện tích 98,1m², địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường N (nay là Tổ dân phố T, phường H), quận Đ, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 373762, sổ vào sổ cấp GCN: CH00490 do Ủy ban nhân dân quận Đ, thành phố Hải Phòng cấp ngày 16 tháng 7 năm 2012 cấp cho ông Ngô Quang V và bà Nguyễn Thị D1, đã chuyển nhượng cho chị Ngô Thị L1 ngày 27-12-2021 theo hồ sơ số 000149.CN.007 đăng ký chuyển nhượng tại Văn phòng đăng ký đất đai quận Đ (theo Hợp đồng thế chấp số 4895442 ngày 28-12-2021 tại Văn phòng C, số B H, phường A, quận L, thành phố Hải Phòng số Công chứng 23830/HĐTC/2021, quyền số 09/TP/CC-SCC/HĐGD) và 01 xe ô tô nhãn hiệu VINFAST FADIL, số khung 2FACLV009206, số máy LV7202550097, màu sơn trắng, 05 chỗ, Biểm kiểm soát 15A-644.43 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 114109 do Phòng C1 Công an thành phố H cấp ngày 06-11-2020 để thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền trên cho Ngân hàng V2.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản thế chấp không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì chị Ngô Thị L1 phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi trả hết nợ theo các Hợp đồng cho vay số LN2010232930970 ngày 09-11-2020; Hợp đồng cho vay số LN2112144895442 ngày 29-12-2021; Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2203085324518 ngày 14-3-2022 kèm theo Khế ước nhận nợ ngày 14-3-2022; Hợp đồng cho vay số

LN2204155584573 ngày 02-6-2022; Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 30-12-2021 và Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 07-6-2022 được ký kết giữa Ngân hàng V2 với chị Ngô Thị L1.

Trường hợp phát mại tài sản thế chấp, nếu giá trị tài sản sau khi thanh toán cho Ngân hàng vẫn còn thừa thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại cho chị Ngô Thị L1.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Ngô Thị L1 phải nộp số tiền 81.284.073đ (Tám mươi một triệu hai trăm tám mươi tư nghìn không trăm bảy mươi ba) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho V2 số tiền 32.910.140 đ (Ba mươi hai triệu chín trăm mười nghìn một trăm bốn mươi) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006647 ngày 13 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TANDTP. Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Lưu: HCTP; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Phương

